

## **KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 70-CTr/TU ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Thực hiện Chương trình hành động số 70-CTr/TU ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 70-CTr/TU ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Kế hoạch):

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Xây dựng và ban hành Kế hoạch nhằm quán triệt và chỉ đạo các cấp, các ngành cụ thể hóa, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động số 70-CTr/TU.

#### **2. Yêu cầu**

- Kế hoạch thực hiện phải đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế sẵn có; phù hợp với những chủ trương, định hướng, mục tiêu và giải pháp được xác định Nghị quyết 29-NQ/TW; Chương trình hành động số 63-CTr/TU, ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 1374/KH-UBND ngày 05/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 63-CTr/TU, ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến

năm 2045; Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, và căn cứ tình hình thực tế của địa phương, tiềm năng, lợi thế sẵn có để cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi các quan điểm, mục tiêu Chương trình hành động số 70-CTr/TU đã đề ra.

- Căn cứ vào các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong Chương trình hành động số 70-CTr/TU và trong Kế hoạch này, các cấp các ngành tổ chức triển khai thực hiện một cách quyết liệt, cụ thể, phù hợp với thực tế ngành, đơn vị, địa phương mình; có sự phối kết hợp chặt chẽ; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát; kịp thời khắc phục khó khăn, vướng mắc; bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn đảm bảo việc triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ đạt hiệu quả, chất lượng và đúng tiến độ Kế hoạch đề ra.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030**

Khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, các nguồn lực để xây dựng tỉnh Gia Lai phát triển nhanh, bền vững, giàu bản sắc; phấn đấu đến năm 2030 trở thành vùng động lực của khu vực Tây Nguyên. Xây dựng và phát triển nhanh nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa có năng suất, chất lượng, hiệu quả và có sức cạnh tranh cao, trên cơ sở ứng dụng khoa học và công nghệ. Phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp xanh, sinh thái, thân thiện với môi trường; gắn phát triển công nghiệp với nông nghiệp, dịch vụ để hình thành chuỗi sản xuất tiêu chuẩn cao; tập trung vào các ngành công nghiệp có lợi thế về nguyên liệu đầu vào. Thu hút các dự án sản xuất công nghiệp sạch theo hướng sinh thái, thân thiện môi trường; các ngành công nghiệp ứng dụng khoa học và công nghệ cao, các ngành công nghiệp dựa trên đổi mới sáng tạo, lấy nền tảng khoa học và công nghệ để gia tăng chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, trọng tâm là chế biến nông, lâm sản và năng lượng tái tạo. Phát triển ngành dịch vụ theo hướng đa dạng, trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số gắn với chất lượng, hiệu quả và phát huy các lợi thế so sánh, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và mang lại thu nhập cao cho người lao động.

### **2. Các mục tiêu cụ thể phấn đấu đạt đến năm 2030**

- Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt 9,57%/năm. Tốc độ tăng trưởng nông - lâm - thủy sản bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt 6,25%/năm. Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 đạt từ 12 - 12,5%/năm; giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 13,5 - 14%/năm. Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành dịch vụ đạt 9,85%/năm; giai đoạn 2026 - 2030 đạt 11,28%/năm.

- Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt 133 triệu đồng/người/năm (*giá hiện hành*); tỷ trọng nông - lâm - thủy sản, công nghiệp xây dựng, dịch vụ, thuế sản phẩm tương ứng là 26,62%, 28,94%, 39,84%, 4,6%; tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với nông nghiệp chiếm khoảng 30%,

lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 25% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh; tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 45 - 50% trong tổng giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp; tỷ trọng ngành công nghiệp sản xuất phân phối điện giảm xuống còn 50 - 55%; tỷ trọng ngành công nghiệp trong tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 40%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 50%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 40%.

### **3. Tầm nhìn đến năm 2045**

Gia Lai là “Cao nguyên sinh thái, thể thao và sức khỏe”, là điểm đến xanh, giàu bản sắc vì mục tiêu sức khỏe con người; là tỉnh tiên phong trong chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn dựa trên Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với chuyển đổi số, kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập. Hình thành các mô hình nông nghiệp sinh thái, hiện đại, thông minh; nông nghiệp hữu cơ có thương hiệu. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp thân thiện môi trường, phục vụ nông nghiệp; phát triển dịch vụ logistics, khoa học và công nghệ để xây dựng chuỗi sản phẩm nông nghiệp. Chú trọng phát triển các nguồn năng lượng tái tạo. Phát triển kinh tế rừng gắn với phục hồi hệ sinh thái, bảo vệ đa dạng sinh học, tạo sinh kế cho người dân. Đưa du lịch trở thành ngành kinh tế xanh, bền vững, đưa Gia Lai trở thành điểm đến hấp dẫn trên cao nguyên Pleiku, Kon Hà Nừng. Xây dựng năng lực đổi mới, sáng tạo. Phát triển kinh tế đi đôi với xây dựng bản sắc văn hóa Gia Lai, trọng tâm là con người Gia Lai, chăm lo đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa. Quốc phòng, an ninh được đảm bảo vững chắc. Tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố, tăng cường. Đóng góp tích cực vào sự phát triển chung về kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

### **1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Chương trình hành động**

- Tập trung quán triệt các nội dung của Nghị quyết Số 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 70-Ctr/TU và Kế hoạch thực hiện của UBND tỉnh để các cấp, các ngành nắm vững đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết Số 29-NQ/TW với nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng tạo nhận thức sâu sắc về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Đổi mới tư duy phát triển, đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành, phát huy mạnh mẽ tinh thần tự lực, tự cường, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu đã đề ra, tập trung chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối và liên kết vùng.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan thông tấn, báo chí.

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

## **2. Phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ theo hướng nâng cao giá trị gia tăng**

### **2.1. Phát triển công nghiệp**

- Thúc đẩy các dự án có quy mô lớn theo hướng xanh, hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế, tạo đột phá có hiệu ứng lan tỏa, liên kết với các ngành công nghiệp hỗ trợ của tỉnh; ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến và công nghiệp năng lượng; tập trung vào nhóm ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản, như: Sản, mía, cà phê, hồ tiêu, cao su, điều, trái cây, cây dược liệu, gỗ, sản phẩm chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, chế biến thức ăn chăn nuôi và chế biến phân vi sinh; phát triển năng lượng tái tạo ở nơi có điều kiện phù hợp; sản xuất vật liệu không nung; công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Tập trung sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng trong chuỗi sản xuất công nghiệp gắn với nông nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Ưu tiên lựa chọn phát triển công nghiệp tại khu vực có lợi thế về giao thông, vị trí địa lý, tài nguyên, vùng nguyên liệu, lao động, có khả năng trở thành động lực tăng trưởng tại một số địa bàn: Thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa, huyện Chư Sê, huyện Đức Cơ...

- Ưu tiên các ngành công nghiệp thân thiện với môi trường; từng bước chuyển đổi các ngành công nghiệp dựa vào khai thác tài nguyên sang các ngành công nghiệp trong chuỗi tuần hoàn. Xây dựng các cụm ngành công - nông nghiệp đồng bộ theo chuỗi chế biến từ đầu vào là các vùng nguyên liệu và đầu ra là các thị trường.

- Xây dựng các trung tâm vệ tinh công nghiệp huyện, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi mô hình sản xuất; tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo dựa trên thế mạnh nguồn nguyên liệu, nhân công địa phương; gắn các cơ sở chế biến với các vùng nguyên liệu, thu hút lao động và giải quyết các vấn đề xã hội; đẩy mạnh các hoạt động khuyến công, tạo động lực mới cho phát triển công nghiệp nông thôn; chú trọng phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, tái chế nằm trong chuỗi tuần hoàn. Tập trung nguồn lực, chính sách phát triển và thu hút hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp để thu hút các hoạt động sản xuất công nghiệp hỗ trợ các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, đặc biệt là các cụm công nghiệp có điều kiện tiên đề thuận lợi, như: Cụm công nghiệp Diên Phú, thành phố Pleiku; Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp huyện Mang Yang; Cụm công nghiệp An Khê, thị xã An Khê; Cụm công nghiệp Đak Đoa, huyện Đak Đoa và Cụm công nghiệp Ia Sao, thị xã Ayun Pa.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

### **2.2. Phát triển các khu công nghiệp**

- Phân đầu đến năm 2030, thu hút đầu tư lấp đầy các khu công nghiệp: Trà Đa, Nam Pleiku, Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh. Phát triển các khu công

nghiệp chất lượng cao dành cho các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

- Tập trung kêu gọi xây dựng cảng cạn tại Khu Công nghiệp Nam Pleiku, cảng cạn tại Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh nhằm chủ động tiếp cận, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại, đặc biệt là các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong xây dựng, quản lý, khai thác vận tải, tập trung phát triển vận tải đa phương thức và logistics.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Ban Quản lý khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

### **2.3. Phát triển thương mại, dịch vụ**

- Phát triển nhanh thương mại, dịch vụ theo hướng hiện đại hóa và văn minh thương mại, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của khu vực và cả nước; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tiến trình hội nhập kinh tế. Phát triển ngành dịch vụ thương mại gắn kết chặt chẽ với sản xuất, thúc đẩy cung ứng vật tư, nguyên liệu đầu vào kết hợp với liên kết tiêu thụ sản phẩm, nhằm khai thác tối đa lợi thế so sánh của tỉnh, thúc đẩy phát triển sản xuất. Phát triển hạ tầng thương mại đồng bộ; ưu tiên đầu tư xây dựng một số chợ đầu mối, như: Chợ đầu mối nông sản Đak Đoa thành đầu mối tiêu thụ nông sản của tỉnh Gia Lai và vùng Tây Nguyên... Phát triển xuất khẩu theo hướng bền vững, mở rộng quy mô xuất khẩu, chú trọng nâng cao chất lượng và giá trị hàng hóa xuất khẩu. Củng cố, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; chủ động, tích cực tham gia vào chuỗi giá trị hàng hóa toàn cầu nhằm tăng năng lực sản xuất và xuất khẩu hàng hóa. Phát triển thương mại điện tử gắn liền với phát triển kinh tế số. Thúc đẩy việc ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng dựa trên gắn kết chặt chẽ với hệ thống bán lẻ truyền thống; đồng thời, ứng dụng công nghệ số để xây dựng đa dạng các kênh phân phối mới, đặc biệt là trên các nền tảng mạng xã hội nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa. Thực hiện tốt công tác hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, kết nối với các nền tảng thương mại điện tử quốc tế, như: Amazon, Alibaba, Rakuten...

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

### **2.4. Phát triển du lịch**

- Phát triển ngành du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, xây dựng Gia Lai trở thành trung tâm du lịch của vùng về nghỉ dưỡng kết hợp chăm sóc sức khỏe. Tiếp tục xây dựng, hình thành và phát triển các sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, phù hợp với nhu cầu thị trường và khả năng cạnh tranh của tỉnh. Tập trung phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với văn hóa, lễ hội truyền thống của các dân tộc tạo ra các sản phẩm, dịch vụ, điểm đến hấp dẫn, độc đáo và khác biệt. Xây dựng phát triển du lịch canh nông, lâm nghiệp công nghệ cao kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng. Tăng cường tính kết nối và đảm bảo sự đồng bộ về chất lượng trong chuỗi cung ứng sản phẩm du lịch, kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ và các

điều kiện, tiện nghi phục vụ du lịch bảo đảm an toàn, an ninh, vệ sinh môi trường và phát triển bền vững. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là các tỉnh Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ; xúc tiến quảng bá phát triển du lịch với các địa phương đã ký kết hoặc hợp tác với các địa phương có khả năng kết nối mở tuyến du lịch đến tỉnh Gia Lai; thu hút du khách và mở rộng các thị trường trọng điểm (cả trong và ngoài nước). Huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, chú trọng phát triển hạ tầng thiết yếu tại các di tích, danh thắng; kêu gọi đầu tư các dự án có tiềm năng du lịch, như: Khu du lịch Biển Hồ - Chư Đăng Ya, Khu du lịch sinh thái vườn quốc gia Kon Ka Kinh, Khu du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng... để tạo điểm nhấn phát triển du lịch của tỉnh; hoàn thiện và đưa vào khai thác sử dụng các dự án đã được quy hoạch, phê duyệt và đầu tư.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

## 2.5. Phát triển y tế

- Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới y tế trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu quả, cung ứng dịch vụ y tế theo 03 cấp chuyên môn, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân, sự thay đổi của mô hình bệnh tật, già hóa dân số, hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong lĩnh vực y tế. Củng cố, đầu tư và phát triển hệ thống y tế dự phòng, giám định y khoa, giám định pháp y, pháp y tâm thần, cấp cứu ngoại viện, các lĩnh vực chuyên khoa, như: Tim mạch, Ung bướu, Chấn thương chỉnh hình, Truyền máu và huyết học, Ngoại, Sản... Đầu tư phát triển Bệnh viện Đa khoa tỉnh trở thành bệnh viện hạng I trên nền tảng hạ tầng cơ sở hiện có, đáp ứng nhu cầu điều trị cho người dân trong tỉnh, khách du lịch, một số tỉnh lân cận và 02 nước: Campuchia, Lào. Đẩy mạnh, khuyến khích phát triển y tế tư nhân, tăng tỷ trọng giường bệnh của khu vực tư nhân. Đảm bảo nguồn nhân lực y tế có đủ số lượng theo cơ cấu và chất lượng theo từng lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành. Phấn đấu tỷ lệ bác sĩ/vạn dân đạt 09 bác sĩ/vạn dân vào năm 2025; đạt 10 bác sĩ/vạn dân vào năm 2030; đạt 20 điều dưỡng/vạn dân vào năm 2025 và 25 điều dưỡng/vạn dân vào năm 2030.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

## 2.6. Phát triển dịch vụ tài chính

Phát triển và mở rộng mạng lưới hệ thống cung cấp dịch vụ tài chính đến các khu công nghiệp, khu du lịch, các khu đô thị và khu dân cư mới. Phát triển các loại hình dịch vụ mới cho thuê tài chính, điểm giao dịch thị trường chứng khoán của cả nước.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh tỉnh Gia Lai chủ trì, chỉ đạo các Chi nhánh Ngân hàng Thương mại phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

### **3. Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn**

- Xác định ngành nông, lâm, thủy sản tiếp tục đóng vai trò chủ đạo của nền kinh tế và là trụ cột cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới. Cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng Nhà nước đóng vai trò hỗ trợ, tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu, phát triển và chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ, phát triển thị trường, cơ sở hạ tầng; tập trung xây dựng và thực hiện chính sách để hình thành và phát triển các vùng chuyên canh, vùng nguyên liệu quy mô lớn theo hình thức trang trại, khu nông nghiệp công nghệ cao, đạt các tiêu chuẩn quốc tế về vệ sinh an toàn thực phẩm. Khuyến khích doanh nghiệp liên kết, ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với nông dân; phát triển các nhóm nông dân hợp tác tự nguyện, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Xây dựng và duy trì các chuỗi nông sản chủ lực của tỉnh, như: Cà phê, hồ tiêu, cao su, cây ăn quả, điều, gạo Phú Thiện... Phát triển nông nghiệp đặc sản, đặc trưng vùng miền đảm bảo an toàn thực phẩm (sầu riêng, bơ, mít, gạo Phú thiện, gạo Ba Chấm, cà phê, hồ tiêu, cao su, điều...); vùng nguyên liệu cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao, có điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp (Sâm Ngọc Linh tại khu vực vùng núi tại huyện Kbang...). Hình thành các khu vực thử nghiệm và nhân rộng mô hình nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, nông nghiệp thông minh. Hình thành vùng chăn nuôi tập trung quy mô lớn; các chuỗi liên kết sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến các sản phẩm gia súc, gia cầm; phát triển các sản phẩm chủ lực ngành chăn nuôi của tỉnh: Thịt lợn, thịt bò, thịt, trứng gia cầm... Gắn nông, lâm nghiệp, thủy sản với công nghiệp chế biến, gắn sản xuất với thị trường trong nước và ngoài nước, nâng cao dần mức thu nhập trên một đơn vị diện tích đất canh tác. Tăng cường đầu tư chiều sâu, tạo sự chuyển biến về chất trong sản xuất nông nghiệp và phát triển toàn diện kinh tế nông thôn.

- Tăng cường phát triển nông nghiệp kết hợp với dịch vụ du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái. Phát triển nông nghiệp có tính đến việc sử dụng có hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên (đất, nước...), bảo vệ môi trường, an toàn sinh học và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển lâm nghiệp bền vững có chọn lọc theo hướng thích ứng và giảm thiểu rủi ro do biến đổi khí hậu. Xây dựng và triển khai các đề án phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng. Bảo vệ và phát triển rừng gỗ lớn, nâng cao hiệu quả rừng trồng, lâm sản, phát triển cây dược liệu dưới tán rừng.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, thiết lập hệ thống giám sát thời tiết, dự báo và cảnh báo sớm sinh vật gây hại cho cây trồng, vật nuôi để chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống có hiệu quả và bảo vệ sản xuất. Nghiên cứu, khảo sát, thử nghiệm đưa vào sản xuất, kinh doanh các giống cây

trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh, thích ứng biến đổi khí hậu; ưu tiên nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong hoạt động sơ chế, chế biến và bảo quản nông sản. Mở rộng đột phá về quy mô diện tích, sản lượng sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp tốt (VietGAP, Global GAP), nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và các tiêu chuẩn được cấp chứng nhận phục vụ xuất khẩu nông sản; thực hiện tốt các biện pháp phát triển sản xuất bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái. Xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc từ mã vạch, giám sát, kiểm soát chất lượng sản phẩm thông qua dữ liệu điện toán đám mây và công nghệ số; xây dựng và nhân rộng mô hình, chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

#### **4. Phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo**

- Tăng cường hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, tập trung ưu tiên vào các lĩnh vực, sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng có lợi thế của địa phương; phát triển các vườn ươm, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; phát triển thị trường khoa học và công nghệ, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; liên kết trong nghiên cứu khoa học, liên kết vùng trong xây dựng và phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế theo chuỗi giá trị; hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến, như: Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp bảo quản, chế biến sau thu hoạch... để hình thành các chuỗi giá trị cho sản phẩm chủ lực, sản phẩm lợi thế của tỉnh và liên vùng, khu vực.

- Khuyến khích các doanh nghiệp và khu vực tư nhân đầu tư cho khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo; đẩy mạnh hợp tác công tư, chuyển giao công nghệ thúc đẩy nhanh việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh.

- Triển khai Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, tập trung đẩy mạnh hỗ trợ đổi mới công nghệ theo hướng lựa chọn công nghệ mới, hiện đại, thân thiện với môi trường... trong các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh. Nghiên cứu xây dựng các trung tâm ứng dụng khoa học và công nghệ cao, đào tạo nhân lực có tay nghề, kỹ thuật cao tại các khu vực đô thị và nông thôn phát triển.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

#### **5. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa**



**5.1.** Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, có trình độ chuyên môn cao ở một số lĩnh vực trọng điểm, như: Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến công nghệ cao, công nghệ số, năng lượng tái tạo, du lịch, logistics, tài chính, ngân hàng và dược phẩm. Phát triển và đào tạo nguồn lao động tại chỗ, thu hút lao động, lao động chất lượng cao từ các tỉnh, khu vực khác; chú trọng phát triển nguồn nhân lực là người đồng bào dân tộc thiểu số. Đổi mới cơ chế thu hút, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài, các chuyên gia trình độ cao, đội ngũ cán bộ, công chức có tâm, có tài ở các cấp nhằm phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động sang những ngành nghề mang lại giá trị gia tăng cao; liên kết, hợp tác trong và ngoài nước trong phát triển nguồn nhân lực, tăng cường hợp tác giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục và đào tạo.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Cải cách giáo dục, đào tạo và nâng cấp mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo theo hướng giải phóng sự sáng tạo, phát huy năng khiếu và theo chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các trường trung học phổ thông.

- Nâng cao năng lực các cơ sở giáo dục và đào tạo, gắn kết kỹ năng, trình độ học vấn với nhu cầu thị trường lao động. Phát triển các cụm giáo dục tập trung và tạo nền tảng cho các tuyến giáo dục của tỉnh, tham gia giáo dục, đào tạo nhân lực cho vùng Tây Nguyên đáp ứng yêu cầu việc làm trong các ngành kinh tế hiện đại. Mở rộng quan hệ trao đổi và hợp tác giáo dục, đào tạo với các tỉnh trong vùng, trong khu vực, trong nước và quốc tế. Có cơ chế khuyến khích Phân hiệu Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh, Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp đào tạo theo nhu cầu của tỉnh, đặc biệt đối với nhân lực lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

**5.2.** Cải cách chế độ tuyển dụng, bố trí công việc và bổ nhiệm theo nguyên tắc phản ánh thực chất năng lực của nhân lực. Tăng cường hiệu quả giám sát, đánh giá hiệu quả công việc phải phản ánh được thực chất, khả thi và phù hợp với bối cảnh mới đối với đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, nhà quản lý. Tăng cường sự tham gia hiệu quả của người dân trong hoạt động giám sát và đánh giá cán bộ.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

**6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hóa nhanh và bền vững, gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

### **6.1. Về quy hoạch và quản lý quy hoạch**

Tập trung nâng cao chất lượng xây dựng, thực hiện quy hoạch kết cấu hạ tầng; xem đây là nền tảng, cơ sở để định hướng đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra và xử lý nghiêm các vi phạm. Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030 tạo động lực cho phát triển.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

### **6.2. Về xây dựng và ban hành chính sách**

- Thu hút nhà đầu tư thông qua hỗ trợ thủ tục pháp lý, bồi thường, giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng giao thông kết nối, điện, nước...

- Thực hiện chính sách giá và phí các dịch vụ công theo nguyên tắc của cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước; đồng thời, đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư cũng như khả năng chi trả của doanh nghiệp và người dân.

- Mở rộng đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin về đầu tư theo hình thức đối tác công tư; các hình thức xã hội hóa.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

### **6.3. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư**

- Tập trung rà soát các thủ tục hành chính không còn phù hợp, gây cản trở hoạt động đầu tư để đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bãi bỏ; đồng thời, chủ động đưa ra các giải pháp thiết thực, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, thuận lợi, khắc phục tình trạng phiền hà, nhũng nhiễu và giảm chi phí cho nhà đầu tư để nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành; phê bình và kiên quyết xử lý các cơ quan, đơn vị thực hiện chậm trễ, có ý kiến phản ánh của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

- Rà soát, ban hành danh mục các dự án kêu gọi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; chú trọng kêu gọi nhà đầu tư có uy tín, năng lực ở trong và ngoài nước. Định hướng đầu tư có chọn lọc theo tình hình mới.

- Đẩy mạnh triển khai chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, một số lĩnh vực quan trọng để thúc đẩy xây dựng đô thị thông minh.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

#### **6.4. Chính sách về đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng**

- Tập trung công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khai thác quỹ đất cho phát triển kết cấu hạ tầng hiệu quả, tiết kiệm nhất.

- Chủ động xây dựng các phương án, cân đối, bố trí vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng nhằm triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ; đồng thời, tuyên truyền, vận động nhân dân để tạo sự đồng thuận khi thực hiện dự án.

- Các địa phương phải đảm bảo mặt bằng sạch, đảm bảo tốt an ninh, an toàn trong quá trình bồi thường, giải phóng mặt bằng khi triển khai thi công dự án.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

#### **6.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư, xây dựng**

- Triển khai thực hiện các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc bố trí vốn cho từng dự án cụ thể. Bảo đảm bố trí đủ vốn để hoàn thành dự án theo tiến độ quy định. Kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp hoặc triển khai thực hiện vượt quá khả năng cân đối vốn.

- Tập trung nguồn lực đầu tư cho các công trình kết cấu hạ tầng, trong đó ưu tiên đầu tư các công trình trọng điểm, theo đúng quy hoạch, thứ tự ưu tiên và định hướng của tỉnh. Trước năm 2030, phấn đấu hoàn thành một số hạ tầng giao thông quan trọng: Tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku; mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Pleiku lên cấp 4C; tích cực phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong quá trình nghiên cứu đầu tư tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây<sup>(1)</sup>, tuyến đường sắt kết nối Tây Nguyên<sup>(2)</sup>; xây dựng phương án huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng tuyến giao thông kết nối vùng Ayun Pa (Gia Lai) và Ea H'Leo (Đắk Lắk) và tuyến đường nối Gia Lai - Phú Yên. Phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hành lang giao thông Quốc lộ 14, 19 và hành lang biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia. Đến năm 2030 hình thành Công nghiệp Nam Pleiku 2. Sau năm 2030 hình thành và phát triển bổ sung Khu công nghiệp Chư Sê với quy mô 300 ha.

- Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng từ khâu lập, thẩm định, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, tổng mức đầu tư đến khâu lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu có đủ năng lực thực hiện dự án. Kiểm tra, giám sát đầu tư, giám sát chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư; thực hiện tốt việc duy tu, bảo dưỡng, bảo trì công trình để phát huy tính năng sử dụng, duy trì độ bền vững và bảo đảm cảnh quan môi trường; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm về đầu tư, xây dựng.

<sup>(1)</sup>Ngọc Hồi - Pleiku, Pleiku - Buôn Ma Thuột, Buôn Ma Thuột - Gia Nghĩa.

<sup>(2)</sup>Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

#### **6.6. Khai thác các nguồn lực tài chính**

- Tiếp tục tranh thủ các nguồn lực đầu tư từ ngân sách Trung ương; sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách địa phương, đối tác công tư.

- Đẩy mạnh thu hút và sử dụng có hiệu quả vốn Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA) để đầu tư các công trình có mức đầu tư lớn, tính kết nối cao, phạm vi hưởng lợi nhiều; đồng thời, phải kiểm soát chặt chẽ về mục tiêu, hiệu quả đầu tư, kế hoạch trả nợ. Kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), các dự án đầu tư chất lượng và các nguồn lực xã hội khác.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

#### **7. Phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

- Tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, phát triển doanh nghiệp tư nhân, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân; tập trung hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Phấn đấu đến năm 2025 đạt 12.000 doanh nghiệp đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh; 2.450 hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp; khoảng 35 - 40% tổng số doanh nghiệp có hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; 100% cơ sở kinh doanh bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; 50% doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thường xuyên sử dụng các nền tảng số; mỗi năm tăng 2% số lượng doanh nghiệp được xếp vào danh sách doanh nghiệp có giá trị thương hiệu cao nhất của các tổ chức xếp hạng uy tín trong nước hoặc trên thế giới; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, nòng cốt là các hợp tác xã. Xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã cả chiều rộng và chiều sâu, thúc đẩy phát triển kinh tế, cải thiện đời sống và phát triển số lượng thành viên. Đến năm 2025 phấn đấu toàn tỉnh có khoảng 417 hợp tác xã với 51.000 thành viên, 1.003 tổ hợp tác với 3.000 thành viên, 02 liên hiệp hợp tác xã với 09 hợp tác xã thành viên; số hợp tác xã đạt loại khá, tốt chiếm khoảng 60% trên tổng số hợp tác xã cả tỉnh; 9% hợp tác xã, tổ hợp tác ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản; 35% hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

## **8. Đổi mới chính sách tài chính, tín dụng thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhanh, bền vững**

**8.1.** Đảm bảo khai thác các nguồn thu địa phương hợp lý, tích cực, bền vững phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Nâng dần tỷ lệ tự cân đối, giảm phân bổ sung từ ngân sách cấp trên; đảm bảo cân đối ngân sách tích cực, phân đấu tốc độ thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân từ 9 - 10%.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

**8.2.** Phát triển các hoạt động dịch vụ ngân hàng, đảm bảo theo kịp tốc độ phát triển, sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tập trung vốn cho các lĩnh vực ưu tiên, nhất là nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh tỉnh Gia Lai chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

**8.3.** Thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ nguồn lực đầu tư ngoài Nhà nước cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân; ưu tiên nguồn lực tài chính nhà nước đầu tư cho phát triển hạ tầng liên kết vùng, hạ tầng năng lượng, hạ tầng chuyển đổi số, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Nâng cao hiệu quả đầu tư công; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy và chính quyền ở các ngành, các cấp liên quan trong sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

## **9. Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả đi đôi với bảo vệ và phát triển thị trường trong nước**

**9.1.** Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong quản lý, khai thác, sử dụng các loại tài nguyên, khoáng sản. Tiếp tục tăng cường năng lực giám sát và cảnh báo môi trường, xử lý triệt để các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị; chú trọng xử lý chất thải, thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải. Kiểm soát chặt các nguồn gây ô nhiễm. Phân đấu đến năm 2025, thành phố Pleiku có hệ thống xử lý chất thải rắn và hoàn thành việc xây

dựng hệ thống xử lý nước thải đô thị với công nghệ hiện đại.

- Phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường, khuyến khích phát triển dịch vụ cải tạo, phục hồi môi trường, hệ sinh thái tự nhiên.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

**9.2.** Thực hiện chứng thực, công nhận dán nhãn sinh thái, hiệu quả năng lượng đối với sản phẩm trong các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải và hàng tiêu dùng, chứng nhận sản phẩm tiết kiệm năng lượng. Có lộ trình phù hợp để giảm tối đa, tiến tới không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

**9.3.** Triển khai mạnh mẽ, đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

**10. Phát huy giá trị văn hóa, bản lĩnh, trí tuệ con người Gia Lai, xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; đội ngũ trí thức và doanh nhân xung kích, đi đầu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo đảm tốt an sinh xã hội**

**10.1.** Xây dựng nền văn hóa thành trụ cột bền vững trong bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Gia Lai; trọng tâm là phát huy đầy đủ các giá trị vật chất và phi vật chất của nền tảng văn hóa - tinh thần của khối đoàn kết cộng đồng các dân tộc tỉnh. Chú trọng phát triển tài nguyên văn hóa trong mỗi cộng đồng dân tộc; kết nối hài hòa, hợp lý, có hiệu quả văn hóa đa dân tộc trên địa bàn tỉnh, hình thành nền văn hóa đặc trưng của tỉnh Gia Lai. Hình thành môi trường văn hóa số; phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả các ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

**10.2.** Có các chính sách ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi triển khai các dự án xây dựng đáp ứng nhu cầu nhà ở xã hội cho công nhân và người có thu nhập thấp; bảo đảm đáp ứng đồng bộ hạ tầng xã hội thiết yếu về giao thông, y tế, giáo dục, văn hóa của các khu dân cư, tạo chỗ ở ổn định, nâng cao đời sống để công nhân an tâm lao động sản xuất.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

**11.3.** Nâng cao hiệu quả công tác đưa người lao động tại địa phương đi làm việc ở nước ngoài; đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số cho công nhân; xây dựng và triển khai chiến lược phát triển đội ngũ tri thức, chiến lược phát triển đội ngũ doanh nhân đến năm 2030, chương trình quốc gia về đào tạo doanh nhân, xây dựng văn hóa kinh doanh tiên tiến, giàu bản sắc và hội nhập quốc tế.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản; khuyến khích và có chính sách ưu đãi các mô hình sản xuất và dịch vụ có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo nhất là ở vùng nông thôn, miền núi.

\* **Cơ quan chủ trì thực hiện:** Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

\* **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Căn cứ Kế hoạch này, Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:


- Cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao và tập trung quán triệt, triển khai thực hiện Kế hoạch; Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được giao trong kế hoạch này.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện, tạo chuyển biến rõ rệt để thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 29-NQ/TW; Chương trình hành động số 70-CTr/TU.

**2.** Định kỳ 6 tháng, năm (hoặc đột xuất khi có yêu cầu) báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) lồng ghép vào báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung vào Kế hoạch, các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để xem xét, quyết định. /

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh (t/h);
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (t/h);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trương Hải Long**



**PHỤ LỤC I**  
**CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số: 3627/KH-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đến năm 2030	Đơn vị
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP	%	9,57	Cục Thống kê
2	GRDP bình quân đầu người/năm (giá hiện hành)	triệu đồng	133	Cục Thống kê
3	Cơ cấu kinh tế			
	Nông, lâm, thủy sản	%	26,62	Cục Thống kê
	Công nghiệp, xây dựng	%	28,94	
	Dịch vụ	%	39,84	
	Thuế sản phẩm	%	4,6	
4	Tốc độ tăng trưởng nông, lâm và thủy sản bình quân giai đoạn 2021-2030	%	6,25	Sở Nông nghiệp và PTNT
5	Tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp bình quân giai đoạn 2021-2030	%	12-12,5 (giai đoạn 2021-2025)	Sở Công Thương
		%	13,5-14 (giai đoạn 2026-2030)	
6	Tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ bình quân giai đoạn 2021-2031	%	9,85 (giai đoạn 2021-2025)	Cục Thống kê
			11,28 (giai đoạn 2026-2030)	
7	Giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với nông nghiệp/Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh	%	30	Sở Nông nghiệp và PTNT
8	Giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với lâm nghiệp và thủy sản/Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh	%	25	Sở Nông nghiệp và PTNT
9	Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo/tổng giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp	%	40-50	Sở Công Thương
10	Tỷ trọng ngành công nghiệp sản xuất phân phối điện/tổng giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp	%	50-55	Sở Công Thương
11	Tỷ trọng ngành công nghiệp/tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP	%	40	Sở Công Thương
12	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	<50	Cục Thống kê
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp	%	25	Cục Thống kê
14	Tỷ lệ đô thị hóa	%	40	Sở Xây dựng